

Nhưng để có tiền cần thiết cho các cuộc hoạt động của mình, ban Vận động diệt dốt có thể tổ chức những ngày lao động tập thể, tổ chức những buổi dạ hội, văn công lấy tiền gây quỹ cho ban.

Ngoài ra ban vận động diệt dốt có thể nhận những tặng phẩm bằng tiền hay bằng hiện vật của các cơ quan, đoàn thể hoặc tư nhân gửi đến ủng hộ.

Tiền quỹ chỉ được sử dụng vào những việc có lợi ích chung như :

Làm phần thưởng ở các đợt thi đua trong năm ;  
Mua sắm học cụ, học phẩm cho các lớp học ;  
Giúp cán bộ, giáo viên, học viên thiếu thốn.

Các khoản chi phí đều do bộ phận thưởng trực quyết định theo sự đề nghị của ngành bình dân học vụ và phải được Ủy ban hành chính địa phương thông qua.

### KHEN THƯỞNG

Tùy theo thành tích, các cá nhân trong ban sẽ được biểu dương trong các cuộc họp toàn ban, được Ủy ban Hành chính các cấp và các cấp giáo dục khen thưởng, được tặng huy hiệu bình dân học vụ. Những thành tích xuất sắc sẽ được đề nghị lên Chính phủ tặng thưởng.

Trên đây là một số điểm có tính chất hướng dẫn, các khu, tỉnh tùy theo tình hình cụ thể ở địa phương mà quy định cho các cấp chính quyền tổ chức và lãnh đạo. Bộ chỉ cần lưu ý các địa phương nhận rõ mục đích của việc thành lập Ban Vận động diệt dốt là để tăng cường việc lãnh đạo, phối hợp tổ chức và động viên rộng rãi các lực lượng xã hội và các đoàn thể nhân dân giúp đỡ Ủy ban hành chính các cấp đẩy mạnh công tác bình dân học vụ, hoàn thành nhanh chóng nhiệm vụ xóa nạn mù chữ ở miền Bắc theo kế hoạch của Nhà nước, cho nên :

1) Xã nào chưa xóa xong nạn mù chữ mà chưa có một tổ chức quản chúng nào để làm nhiệm vụ của Ban Vận động diệt dốt thì cần thành lập ngay ban Vận động diệt dốt và giúp đỡ, tạo điều kiện cho Ban ấy hoạt động thực sự.

2) Xã nào, huyện nào, đã thành lập ban Vận động diệt dốt hoặc đã thành lập một tổ chức khác có nhiệm vụ tương tự thì *cứ để nguyên* nhưng phải củng cố tổ chức ấy lần theo hướng trên và giúp đỡ hướng dẫn cho tổ chức ấy thực sự hoạt động.

3) Các cấp cần chú ý tổ chức việc trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng cán bộ, động viên khen thưởng kịp thời và rộng rãi để hoạt động của các ban Vận động diệt dốt càng ngày càng vào nề nếp và đem lại kết quả cụ thể.

Hà-nội, ngày 5 tháng 8 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục  
NGUYỄN VĂN HUYỀN

**THÔNG TƯ số 1765-PT/KH ngày 28-8-1957 về trình độ học lực giáo viên tư thực và bổ xung thể lệ trường tư.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các khu, thành phố và tỉnh, Khu, Sở, Ty Giáo dục.

Bộ giải thích trong thông tư này thể thức áp dụng và thi hành nghị định số 770-NĐ ngày 10-8-1957 và quy định một số điểm bổ xung về thể lệ trường tư.

### I. — TRÌNH ĐỘ HỌC LỰC CỦA GIÁO VIÊN TƯ THỰC

A — Trình độ học lực giáo viên tư thực theo nghị định số 770/NĐ :

Hiện nay chương trình giáo dục phổ thông đặt yêu cầu cao hơn chương trình cũ và hoàn chỉnh cũng đã cho phép các trường tư tuyển lựa giáo viên trẻ hơn, nên Bộ quy định lại trình độ văn hóa đòi hỏi ở giáo viên tư thực. Giáo viên này phải: « Có trình độ học lực cao hơn lớp mình xin dạy ít nhất là *ba lớp* và đã học qua đầy đủ cấp mình xin dạy.

Thể lệ ghi « đã học qua đầy đủ cấp mình xin dạy » để một mặt đòi hỏi giáo viên ít nhất phải đã học hết cấp (không đòi hỏi phải tốt nghiệp hết cấp), mặt khác phải học đầy đủ (không học nhảy lớp).

B — Thể thức áp dụng nghị định trên trong thời kỳ chuyển tiếp :

Nghị định số 770-NĐ sẽ áp dụng ngay đối với giáo viên chưa được cấp giấy phép chính thức làm giáo viên tư thực.

Đối với giáo viên đã được cấp giấy phép chính thức dạy học theo điều 3 của nghị định cũ số 80-NĐ thì vẫn được giữ nguyên phép dạy học tại các lớp đã ghi trong giấy phép trong thời hạn 2 năm học để giáo viên có thời gian bồi dưỡng thêm. Sau thời hạn này, nếu xét giáo viên nào còn quá kém thì sẽ điều chỉnh lại giấy phép cho dạy xuống lớp dưới.

### II. — GIẢI THÍCH VÀ BỔ XUNG THÊM MỘT SỐ ĐIỂM VỀ THẺ LỆ TRƯỜNG TƯ

#### A. — MỞ TRƯỜNG, LỚP TƯ

1 — Các lớp dạy riêng (Cours particuliers) : Các lớp này thường là những lớp « *bổ túc* » cho một số học sinh (dưới 10 người) chỉ dạy về một số môn học nào mà không dạy đủ toàn bộ chương trình như một lớp tư thực.

Chúng ta không cấm mở các lớp dạy riêng, nhưng phải theo dõi, kiểm tra các lớp này để tránh mọi sự lợi dụng và hành động vô tổ chức.

Bộ quy định sau đây thể thức về việc mở các lớp dạy riêng :

a) Người đứng mở lớp dạy riêng, trước khi mở, phải báo cáo với Sở hay Ty Giáo dục tỉnh hình tổ chức lớp một cách cụ thể (Sở hay Ty nên dựa vào mẫu tờ khai mở trường tư đề ấn định sẵn mẫu, *nhưng cần thật đơn giản*).

b) Giáo viên dạy lớp riêng phải có đủ trình độ văn hóa như giáo viên tư thực.

c) Giấy chứng nhận học lực do các lớp dạy riêng cấp *không có giá trị* trong việc xin vào học các trường công và tư, trong việc thi cử, xin công tác, v.v...

Trong khi theo dõi và kiểm tra các lớp dạy riêng, nếu cơ quan giáo dục nhận thấy *thực chất* các lớp này là một lớp tư thực thì báo ngay cho người đứng mở phải theo đúng thể lệ mở trường tư thực.

Cũng cần chú ý là các lớp dạy riêng khác với các lớp gia đình (xem giải thích quan niệm về lớp gia đình trong công văn số 388-PT ngày 18-5-1956 của Nha Giáo dục Phổ thông).

2 — Ngày khai giảng trường tư. Trước mỗi niên học, Sở hay Ty Giáo dục thông báo rộng rãi cho công chúng biết thời hạn nhận đơn xin mở trường tư. Các trường tư *mới xin mở* phải báo đảm khai giảng trường *chậm nhất là 1 tháng* sau ngày khai giảng chính thức của trường công. Những trường tư *mới mở* không báo đảm khai giảng trong thời hạn đã đảm chước sẽ không được phép mở.

Các trường tư *đã có phép* cũ mở rồi phải khai giảng đúng ngày khai giảng của trường công.

## B. — VỀ HỌC SINH

### 1 — Thời gian thu nhận học sinh :

Trường tư chỉ được nhận học sinh trước ngày khai giảng hoặc *chậm lắm là 15 ngày sau*. Hết thời hạn này, trường tư không được nhận học sinh mới trừ trường hợp chuyển trường quy định dưới đây.

### 2 — Chuyển trường :

Trường tư chỉ được nhận học sinh chuyển trường vào đầu mỗi học kỳ. Giữa học kỳ trường có thể nhận học sinh chuyển trường vì học sinh hay gia đình dời chỗ ở.

Tất cả mọi việc chuyển trường ngoài nguyên tắc trên đây phải được Sở hay Ty Giáo dục duyệt y trước.

Sự quy định trên nhằm ổn định tình hình học tập của trường tư, sau ngày khai giảng, và chấm dứt tình trạng học sinh tự do dời trường theo sở thích từng lúc của học sinh làm đảo lộn sinh hoạt bình thường của nhà trường.

### 3 — Hạn tuổi :

— Điều 13 của nghị định số 2-ND ngày 11-1-1956 ghi như sau : « Thể lệ về hạn tuổi tối đa của học sinh học trường công không áp dụng đối với học sinh theo học trường tư. » Bộ quy định hạn tuổi tối đa học sinh theo học trường tư được gia thêm *mỗi lớp 2 tuổi* so với tuổi học sinh trường công ấn định trong quy chế trường Phổ thông 10 năm (Nghị định số 596-ND ngày 16-8-1957 điều 11). Cụ thể là :

— Nam sinh vào lớp 1 : từ 7 đến 13 tuổi *chậm* tính đến ngày khai giảng niên học.

— Nữ sinh vào lớp 1 : từ 7 đến 14 tuổi *chậm* tính đến ngày khai giảng niên học v.v...

— Hạn tuổi này chỉ áp dụng cho học sinh *mới* xin vào học (kể cả học sinh cũ đã bỏ học nay mới đi học lại) bất kỳ lớp nào của trường phổ thông tư thực bắt đầu từ niên học 1957 — 1958, nghĩa là những học sinh cũ hiện *đang học liên tục* tại trường tư vẫn được tiếp tục theo học cho đến hết bậc phổ thông dù đã quá hạn tuổi mới quy định trên đây.

— Sở hay Ty sẽ căn cứ vào nguyên tắc xếp chiếu cố cho học sinh trường công để giải quyết trường hợp những học sinh trường tư *quá tuổi hạn định* xin gia hạn tuổi để theo học tại trường tư (xem thông tư số 1586-PT-KH ngày 2-8-1957 của Nha Giáo dục Phổ thông).

### 4 — Hồ sơ cá nhân của học sinh :

Điều 14 quy chế trường phổ thông 10 năm và Thông tư giải thích số 830-TT-PT ngày 21-8-1956 của Nha Giáo dục phổ thông (Đoạn 4, Mục C) đã quy định rõ thể thức nhận học sinh vào học mới lớp, việc lập và bảo quản hồ sơ cá nhân của học sinh.

Hiện nay, một số trường tư chưa chấp hành nghiêm chỉnh thể lệ nhận học sinh, nhất là việc lập hồ sơ cá nhân của học sinh (không có học bạ, thiếu giấy chứng nhận học lực hợp lệ, không có khai sinh v.v...)

Khu, Sở, Ty, sau khi nhắc nhở lại cho các trường rõ thể lệ, cần nghiêm khắc phê bình hoặc áp dụng kỷ luật đối với những trường tư nào nhận học sinh vô nguyên tắc.

### 5 — Số học sinh tối đa mỗi lớp (hay phòng học) :

Theo thông tư số 16-TT/PT ngày 4-2-1956 của Bộ, thi Ty hay Sở Giáo dục sẽ đề nghị với Ủy ban Hành chính *ghi rõ* số học sinh tối đa được thu nhận vào mỗi phòng học *trong giấy phép* mở

trường. Để bảo đảm sức khỏe của học sinh và chất lượng giảng dạy. Bộ quy định số học sinh tối đa của mỗi lớp là 60 học sinh.

Nếu vì lý do đặc biệt, Sở hay Ty nào thấy cần cho phép trường tư nhận quá mức ấn định trên đây sẽ trình bày ý kiến với Ủy ban Hành chính thành phố hay tỉnh quyết định và báo cáo lên Nha Giáo dục Phổ thông biết quyết định của Ủy ban Hành chính.

### C. — VỀ GIÁO VIÊN

#### 1 — Số giờ tối đa hàng tuần của giáo viên :

Thông tư số 16-TT-PT của Bộ đã hướng dẫn các Sở, Ty thể thực ấn định chế độ công tác của giáo viên tư. Tuy nhiên, Bộ nhận thấy trường hợp một số giáo viên dạy nhiều lớp tại cấp 1, hoặc quá nhiều giờ tại cấp 2 và 3 còn rất phổ biến dù hoàn cảnh tuyển dụng giáo viên đã tương đối dễ dàng hơn trước.

Bộ quy định số giờ tối đa hàng tuần của giáo viên trường tư như sau :

— Giáo viên cấp 1 : chỉ dạy nhiều nhất 1 lớp (hoặc đơn, hoặc ghép)

— Giáo viên cấp 2, 3 : chỉ dạy nhiều nhất 30 giờ một tuần lễ...

Tuy nhiên, Sở hay Ty Giáo dục có thể chăm chú về số giờ tối đa đối với hai loại giáo viên cấp 1 sau đây :

— giáo viên cấp 1 đã dạy một lớp cấp 1, nhưng lớp này có ít học sinh ảnh hưởng lớn đến đời sống giáo viên.

— giáo viên cấp 1 đã dạy một lớp cấp 1, nhưng có đủ trình độ văn hóa để dạy thêm một số giờ tại cấp 2.

Đối với những giáo viên cấp 1 này, Sở hay Ty có thể đặc biệt cho phép hoặc dạy thêm lớp thứ hai, hoặc dạy thêm một số giờ học tại cấp 2.

#### 2 — Giáo viên trường công dạy học tại trường tư :

Nghị định số 286-NĐ ngày 8-5-1956 của Bộ (điều 8) và thông tư giải thích số 359-TT-PT ngày 11-5-1956 của Nha Giáo dục phổ thông (Mục VI) đã ấn định rõ nguyên tắc giáo viên trường công dạy thêm giờ tại trường tư.

Những nguyên tắc này chưa được các trường và giáo viên tôn trọng triệt để, một phần vì năm vừa qua trường tư thiếu nhiều giáo viên, nhất là giáo viên cấp 3, một phần vì các cơ quan giáo dục còn thiếu cương quyết trong việc áp dụng thể lệ.

Bộ nhắc các Khu, Sở và Ty chú ý áp dụng đúng mấy nguyên tắc sau :

— Giáo viên trường công phải được phép của cơ quan giáo dục mà giáo viên trực thuộc trước khi ra dạy thêm tại trường tư. Số giờ tối đa được dạy thêm ngoài là 6 giờ một tuần.

— Giáo viên trường công, khi đến dạy tại một trường tư nào phải có giấy phép của Ty hay Sở Giáo dục nơi mở trường như bất cứ một giáo viên tư thực nào khác.

— Trường tư chỉ được nhận những giáo viên trường công đã có giấy phép của Sở hay Ty Giáo dục vào dạy tại trường mình.

### D. — HIỆU TRƯỞNG

Điều 1 của nghị định số 80-NĐ ngày 7-2-1956 quy định người nào muốn xin làm hiệu trưởng một trường tư dạy văn hóa thì một trong năm điều kiện là « phải đã dạy học ở một trường công hay tư, hoặc đã trực tiếp tham gia công tác chuyên môn giáo dục khác trong một thời gian ít nhất 3 năm ».

Bộ thấy điều kiện này có thể chướng ngại đối với những người đã theo học mãn khóa các trường sư phạm chính quy muốn xin làm hiệu trưởng.

### E. — HỌC PHÍ

#### 1 — Miễn giảm học phí.

Việc cho học sinh trường tư được miễn giảm học phí là do sự tự nguyện của mỗi trường. Tuy nhiên Bộ nhận thấy cơ quan giáo dục cũng nên hướng dẫn các trường thực hiện việc miễn giảm tốt.

Bộ đề nghị các Sở và Ty nên căn cứ vào thể lệ miễn, giảm học phí tại các trường dân lập và thể lệ cấp học bổng để giúp đỡ và hướng dẫn các trường tư thực hiện đúng ý nghĩa việc miễn giảm đạt được tác dụng thực tế đối với học sinh nghèo cần chiếu cố.

#### 2 — Giá biểu học phí.

Bộ thấy hiện nay chưa nên đặt vấn đề quy định giá biểu học phí thống nhất trong toàn quốc, mà chỉ nên đặt một số nguyên tắc sau để các Sở hay Ty dựa vào đó lãnh đạo giá biểu học phí :

— Nếu lẻ tẻ có trường định giá biểu học phí cao quá so với những trường khác trong tỉnh, cơ quan giáo dục tỉnh vận động trường ấy điều chỉnh lại cho hợp lý.

— Nếu thấy giá biểu học phí có chiều hướng chung là tăng lên quá cao, cơ quan giáo dục tỉnh phối hợp với Công đoàn giáo dục vận động các trường cùng thỏa thuận đặt một giá biểu học phí đúng mức. Nếu thấy cần thiết hơn nữa, Sở hay

Ty Giáo dục sẽ đề nghị với Ủy ban Hành chính thành phố hay tỉnh ấn định giá biểu học phí chung từng thời kỳ (niên học, học kỳ).

Bộ trân trọng yêu cầu các Khu, Sĩ, Ty phổ biến rộng rãi thông tư này cho tất cả các trường tư thục các cấp.

Hà nội, ngày 28 tháng 8 năm 1957

TL. Bộ trưởng Bộ Giáo dục  
Giám đốc Nha Giáo dục phổ thông  
NGUYỄN VĂN HIẾU

## BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

**NGHỊ ĐỊNH số 252-ND ngày 19-8-1957**  
ban hành thể lệ vận chuyển hàng hóa trên tất cả các đường sắt đang khai thác ở miền Bắc Việt nam.

### BỘ TRƯỞNG

#### BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Để bảo đảm quyền lợi và định rõ trách nhiệm của người có hàng chuyên chở:

Để đề cao trách nhiệm, chất lượng phục vụ của Đường sắt:

Để phát huy đầy đủ năng lực tiềm tàng của Đường sắt, thỏa mãn nhu cầu vận chuyển của Nhà nước và nhân dân:

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt:  
Sau khi đã được Thủ tướng phủ thông qua.

### NGHỊ ĐỊNH :

**Điều 1.** — Nay ban hành bản thể lệ vận chuyển hàng hóa để thi hành trên tất cả các đường sắt đang khai thác ở miền Bắc Việt nam.

**Điều 2.** — Thể lệ này thi hành từ ngày mùng 1 tháng 10 năm 1957; tất cả những điều khoản nào trái với thể lệ đều bãi bỏ.

**Điều 3.** — Các Ông Chánh Văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện và Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 19 tháng 8 năm 1957

Bộ trưởng  
Bộ Giao thông và Bưu điện  
NGUYỄN VĂN TRẦN

## THẺ LỆ CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA CỦA ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

### CHƯƠNG I

#### QUY TẮC CHUNG

**Điều 1.** — Phạm vi áp dụng. —

Bản thể lệ chuyên chở hàng hóa này áp dụng cho tất cả các đường sắt khai thác ở miền Bắc Việt nam và phải được Đường sắt cũng như người có hàng chấp hành nghiêm chỉnh.

**Điều 2.** — Công bố điều kiện chuyên chở và giá cước. —

Các điều kiện chuyên chở, các khoản cước tạp phí, tiền phạt v.v... phải được Đường sắt công bố ít nhất là 3 ngày trước ngày thi hành.

**Điều 3.** — Đơn vị đo lường. —

Đơn vị đo lường Đường sắt áp dụng là :

- Mét (m)
- Ki-lô-mét (km)
- Ki-lô-gam (kg)
- Tấn 1.000 kg (T)

**Điều 4.** — Tính kỹ hạn. —

**Khoản a.** — Nếu lấy giờ hay ngày làm đơn vị để tính thì không đủ 60 phút cũng tính 1 giờ, không đủ 24 tiếng đồng hồ cũng tính 1 ngày.

Nếu sự việc xảy ra ngày hôm trước và lần sang ngày hôm sau thì dù không đủ 48 tiếng đồng hồ cũng tính 2 ngày (thí dụ từ 10 giờ ngày 12 đến 23 giờ ngày 13 tính là 2 ngày).

**Khoản b.** — Tháng thì tính từ ngày mùng 1 đến ngày cuối tháng là 1 tháng. Nếu sự việc không xảy ra ngày đầu tháng thì tính từ ngày sự việc xảy ra đến ngày trước ngày ấy tháng sau là 1 tháng (thí dụ từ mùng 5 tháng 3 đến hết ngày 4 tháng 4 là 1 tháng. Riêng tháng giêng thì từ 30 hoặc 31 tháng giêng đến 28 hay 29 tháng 2 là 1 tháng).

**Khoản c.** — Trong mọi việc giao dịch, Đường sắt áp dụng dương lịch.

**Điều 5.** — Thời giờ làm việc và giao dịch của các ga. —

**Khoản a.** — Trong những ngày làm việc, các ga mở cửa để giao dịch từ 7 giờ đến 17 giờ. Trong những ngày chủ nhật, ngày lễ và những ngày nghỉ khác, nếu nhu cầu đòi hỏi, các ga vẫn nhận hàng, cho lĩnh hàng, xếp dỡ và cho mang hàng ra khỏi ga như những ngày làm việc. Riêng việc xếp dỡ nếu cần có thể làm đêm.

**Khoản b.** — Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng ga, Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt có quyền:

— Thay đổi thời giờ làm việc và giao dịch ở các ga.